VIETNAM REPORT
Phòng 205, Biệt thự E, Khu Villas Thành Công, số 3 phố Thành Công, phường Giảng Võ, TP. Hà Nội
024 3516 0138 * 086 936 7871
rd@vietnamreport.net * 024 3514 0805
http://vietnamreport.net.vn/ * https://toptenvietnam.vn/

# PHIẾU KHẢO SÁT DOANH NGHIỆP

*(Phục vụ Bảng xếp hạng Công ty vật liệu xây dựng uy tín tại Việt Nam năm 2026)*

| | |
|---|---|
| Vietnam Report cam kết Phiếu hỏi chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu, không công bố những thông tin Doanh nghiệp cung cấp theo đúng quy chế bảo mật thông tin. Kính mong Quý Doanh nghiệp điền đầy đủ thông tin và gửi về cho Vietnam Report **trước 17h ngày 27/02/2026.**<br>Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Doanh nghiệp! | Quý Doanh nghiệp vui lòng quét mã QR để tải bản mềm (nếu cần): |

## A - THÔNG TIN DOANH NGHIỆP VÀ NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

1. **Tên doanh nghiệp:** ……
2. **Mã số thuế:** ……
3. **Lĩnh vực kinh doanh chính của Doanh nghiệp:**

☐ Sản xuất vật liệu xây dựng (chiếm ……..% doanh thu)

Nhóm sản phẩm tiêu biểu, chủ lực……..

☐ Sản xuất, kinh doanh nội thất (chiếm ……..% doanh thu)

Nhóm sản phẩm tiêu biểu, chủ lực……..

4. **Thông tin tài chính**

*(Các công ty niêm yết có thể bỏ qua nếu thông tin đã công khai)*

| Chỉ tiêu (Đơn vị: triệu đồng) | Năm 2024 | Năm 2025 |
|---|---|---|
| Tổng tài sản | | |
| Vốn chủ sở hữu | | |
| Tổng doanh thu* | | |
| Lợi nhuận trước thuế | | |
| Lợi nhuận sau thuế | | |

*(*) Tổng doanh thu được tính bằng tổng các khoản doanh thu thu về của Công ty (không bao gồm các khoản giảm trừ)*

5. **So với kế hoạch đã đề ra trong năm 2025, Quý Doanh nghiệp đã hoàn thành các chỉ tiêu sau ở mức độ nào trên thực tế?**

| | Tổng doanh thu | Tổng lợi nhuận trước thuế |
|---|---|---|
| Hoàn thành dưới 50% | ☐ | ☐ |
| Hoàn thành từ 50% đến dưới 75% | ☐ | ☐ |
| Hoàn thành từ 75% đến dưới 100% | ☐ | ☐ |
| Hoàn thành 100% kế hoạch | ☐ | ☐ |
| Hoàn thành trên 100% đến dưới 125% | ☐ | ☐ |
| Hoàn thành trên 125% đến dưới 150% | ☐ | ☐ |
| Hoàn thành từ 150% trở lên | ☐ | ☐ |

**6. Quý Doanh nghiệp đánh giá thế nào về triển vọng kinh tế Việt Nam trong <u>năm 2026</u>?**

☐ Tăng trưởng dưới 7,0%

☐ Tăng trưởng từ 7,0% – dưới 7,5%

☐ Tăng trưởng từ 7,5% – dưới 8,0%

☐ Tăng trưởng từ 8,0% – dưới 8,5%

☐ Tăng trưởng từ 8,5% – dưới 9,0%

☐ Tăng trưởng từ 9,0% – dưới 9,5%

☐ Tăng trưởng từ 9,5% – dưới 10%

☐ Tăng trưởng trên 10%

**7. Dựa trên thực trạng hiện nay của nền kinh tế Việt Nam, triển vọng tăng trưởng ngành Vật liệu xây dựng trong năm 2026 so với năm 2025 sẽ như thế nào?**

☐ Khó khăn hơn rất nhiều

☐ Khó khăn hơn một chút

☐ Không thay đổi

☐ Khả quan hơn một chút

☐ Khả quan hơn rất nhiều

**8. Kỳ vọng của Quý Doanh nghiệp đối với một số chỉ tiêu sau của năm 2026 sẽ như thế nào so với năm 2025?**

| Chỉ tiêu | Giảm đi đáng kể | Giảm đi | Cơ bản ổn định | Tăng lên | Tăng lên đáng kể |
|---|---|---|---|---|---|
| Doanh thu | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Lợi nhuận | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |

**9. Theo đánh giá của Quý Doanh nghiệp, trong năm 2026, những lĩnh vực nào của ngành vật liệu xây dựng có môi trường đầu tư, kinh doanh tốt hơn so với năm 2025?**

☐ Sắt, thép, tôn
☐ Xi măng
☐ Gạch, đá ốp lát, sứ vệ sinh
☐ Kính xây dựng
☐ Sản xuất và kinh doanh nội thất
☐ Khác (vui lòng ghi rõ ……)

**10. Theo Quý Doanh nghiệp, giá trung bình một số vật liệu xây dựng trong năm 2026 sẽ biến động như thế nào so với năm 2025?**

| Vật liệu xây dựng | Thấp hơn đáng kể | Thấp hơn một chút | Tương đương | Cao hơn một chút | Cao hơn đáng kể |
|---|---|---|---|---|---|
| *Sắt, thép, tôn* | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| *Xi măng* | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| *Gạch, đá ốp lát, sứ vệ sinh* | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| *Kính xây dựng* | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| *Nội thất* | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |

11. **Theo nhận định của Quý Doanh nghiệp, đâu là động lực đóng góp nhiều nhất vào kết quả kinh doanh trong 12 tháng qua và 12 tháng tiếp theo? (*Vui lòng chọn tối đa 5 yếu tố cho mỗi giai đoạn*)**

| | 12 tháng qua | 12 tháng tới |
|---|---|---|
| Các chính sách hỗ trợ của Chính phủ | ☐ | ☐ |
| Môi trường pháp lý, thủ tục đầu tư – xây dựng được cải thiện | ☐ | ☐ |
| Mặt bằng lãi suất cho vay ở mức thấp | ☐ | ☐ |
| Đầu tư công được đẩy mạnh, hạ tầng giao thông – đô thị cải thiện | ☐ | ☐ |

| | 12 tháng qua | 12 tháng tới |
|---|---|---|
| Kinh tế tăng trưởng, tốc độ đô thị hóa nhanh | ☐ | ☐ |
| Dòng vốn FDI vào Việt Nam tăng mạnh | ☐ | ☐ |
| Năng lực lãnh đạo & quản trị | ☐ | ☐ |
| Năng lực tài chính & khả năng huy động vốn | ☐ | ☐ |
| Thương hiệu & uy tín trên thị trường | ☐ | ☐ |
| Chuyển đổi số trong quản lý và vận hành | ☐ | ☐ |
| Phát triển các dòng sản phẩm mới, đa dạng hóa hoạt động kinh doanh | ☐ | ☐ |
| Khác (vui lòng ghi rõ ……) | ☐ | ☐ |

**12. Top 5 khó khăn cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh của Quý Doanh nghiệp là:**

☐ Khó khăn trong huy động vốn, giải ngân vốn và dòng tiền
☐ Hệ thống pháp lý, thủ tục hành chính và chính sách còn bất cập
☐ Biến động giá nguyên vật liệu và chi phí đầu vào
☐ Đứt gãy chuỗi cung ứng và khó khăn trong logistics
☐ Áp lực các yêu cầu về môi trường, tiêu chuẩn xanh và tuân thủ quy định
☐ Công nghệ sản xuất, thi công, quản lý và năng lực R&D còn hạn chế
☐ Chi phí lao động gia tăng và chất lượng lao động chưa đáp ứng yêu cầu
☐ Khó khăn trong phân phối, tiếp cận thị trường và xúc tiến bán hàng
☐ Áp lực cạnh tranh trong ngành và từ các vật liệu thay thế
☐ Sự mất cân đối cung – cầu của thị trường
☐ Yếu tố bất khả kháng (thiên tai, thời tiết, dịch bệnh…)
☐ Khác (vui lòng nêu rõ)……..

**13. Top 5 giải pháp ưu tiên của Quý Doanh nghiệp trong năm 2026?**

| | Năm 2026 | Trong 3 năm tới |
|---|---|---|
| Tái cấu trúc doanh nghiệp, tinh gọn bộ máy, tối ưu chi phí | ☐ | ☐ |
| Thực hiện M&A, hợp tác đầu tư, mua lại các dự án tiềm năng | ☐ | ☐ |
| Huy động vốn, tái cơ cấu nguồn vốn phục vụ hoạt động đầu tư – kinh doanh | ☐ | ☐ |
| Tăng cường quản trị rủi ro, đặc biệt là quản trị tài chính | ☐ | ☐ |
| Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ | ☐ | ☐ |
| Tăng cường đào tạo và cải thiện chất lượng nhân sự | ☐ | ☐ |
| Phát triển các dòng sản phẩm, dịch vụ mới; đa dạng hóa hoạt động kinh doanh | ☐ | ☐ |
| Tăng cường nghiên cứu thị trường, marketing và xây dựng thương hiệu | ☐ | ☐ |
| Thúc đẩy phát triển bền vững, ESG và trách nhiệm xã hội | ☐ | ☐ |
| Khác (vui lòng ghi rõ ……) | ☐ | ☐ |

## B - XU HƯỚNG VÀ CHIẾN LƯỢC

**14. Quý Doanh nghiệp đánh giá đâu là xu hướng thiết kế nổi bật nhất trong 1–3 năm tới?**

☐ Thiết kế tối giản (Minimalism)
☐ Nội thất thông minh, tích hợp công nghệ
☐ Sử dụng vật liệu tái chế hoặc vật liệu tự nhiên
☐ Thiết kế bền vững, thân thiện môi trường
☐ Thiết kế linh hoạt, đa công năng
☐ Thiết kế mang dấu ấn cá nhân, cá nhân hóa không gian
☐ Thiết kế cổ điển
☐ Khác (vui lòng ghi rõ ……)

**15. Theo Quý Doanh nghiệp, xu hướng thiết kế – nội thất hiện nay đang tác động đến nhu cầu vật liệu xây dựng theo hướng nào?**

☐ Ưu tiên vật liệu chất lượng cao, hoàn thiện tốt
☐ Ưu tiên vật liệu bền, dễ bảo trì
☐ Ưu tiên vật liệu xanh, an toàn sức khỏe
☐ Ưu tiên vật liệu đa năng, dễ lắp đặt
☐ Ít tác động, nhu cầu chủ yếu vẫn dựa trên giá

**16. Những nhóm vật liệu nào được Quý Doanh nghiệp dự báo sẽ hưởng lợi nhiều nhất từ các xu hướng thiết kế – nội thất mới? (chọn tối đa 3 nhóm)**

☐ Vật liệu hoàn thiện (gạch ốp lát, sơn, sàn, kính…)
☐ Vật liệu nội thất thông minh
☐ Vật liệu xanh – bền vững
☐ Vật liệu nhẹ, vật liệu mới
☐ Vật liệu truyền thống

**17. Trong năm 2025, Quý Doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu sang thị trường nước ngoài không?**

☐ Có ☐ Không

**Nếu có, thị trường xuất khẩu chính của Quý Doanh nghiệp là:**

☐ Châu Á
☐ Châu Âu
☐ Châu Mỹ
☐ Châu Phi
☐ Châu Úc

**18. Quý Doanh nghiệp có kế hoạch mở rộng hoạt động ra thị trường quốc tế trong vòng 1-3 năm tới không?**

☐ Có ☐ Chưa có kế hoạch

**19. Quý Doanh nghiệp đánh giá tiềm năng của việc mở rộng sang thị trường quốc tế trong lĩnh vực xây dựng, nội thất, VLXD hiện nay như thế nào?**




**20. Theo Quý Doanh nghiệp, đâu là thách thức lớn nhất khi xuất khẩu, mở rộng kinh doanh sang thị trường quốc tế?**

☐ Rào cản pháp lý và quy định tại thị trường nước ngoài
☐ Thiếu thông tin và kinh nghiệm về thị trường
☐ Khác biệt văn hóa và ngôn ngữ khi làm việc với đối tác nước ngoài
☐ Thiếu nhân lực chuyên môn phù hợp cho hoạt động quốc tế
☐ Các yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn khắt khe tại thị trường quốc tế
☐ Biến động tỷ giá ngoại tệ gây rủi ro tài chính
☐ Cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp quốc tế
☐ Khó khăn trong logistics và chuỗi cung ứng
☐ Chi phí đầu tư ban đầu cao
☐ Khác (vui lòng ghi rõ ……)

## C - CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

**21. Việc thực thi và đáp ứng tiêu chí đánh giá tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG) có ảnh hưởng đến việc giành được hợp đồng/đơn hàng hoặc thắng thầu của Quý Doanh nghiệp không?**

☐ Có ☐ Không

**22. Phát triển bền vững có nằm trong trọng tâm kinh doanh năm 2026 của Quý Doanh nghiệp không?**

☐ Có ☐ Không

**23. Đâu là mô tả đúng nhất về tình hình cam kết ESG hiện tại của Quý doanh nghiệp?**

☐ Không đặt ra cam kết ESG/ chưa có kế hoạch cụ thể

☐ Đang ở giai đoạn lập kế hoạch

☐ Đã lập kế hoạch và triển khai một phần cam kết ESG

☐ Đã lập kế hoạch và triển khai toàn diện cam kết ESG

**24. Nếu Quý Doanh nghiệp đang và đã triển khai kế hoạch thực hiện cam kết ESG, đâu là yếu tố được ưu tiên trong chiến lược phát triển bền vững?**

***(Vui lòng đánh số xếp hạng từ 1-3 với thứ tự 1 là mức độ ưu tiên cao nhất)***

| | **Môi trường (Environment)** | **Xã hội (Social)** | **Quản trị doanh nghiệp (Governance)** |
|---|---|---|---|
| **Mức độ ưu tiên** | | | |

**25. Đâu là những rào cản khiến Quý Doanh nghiệp chưa sẵn sàng triển khai cam kết ESG hoặc những khó khăn trong quá trình thực thi ESG?** ***(Vui lòng chọn tối đa 3 rào cản)***

☐ Chưa có đầy đủ thông tin

☐ Khả năng tài chính

☐ Quy mô công ty

☐ Dữ liệu ESG thiếu minh bạch

☐ Nhân viên chưa có kiến thức, chuyên môn cần thiết về ESG

☐ Khung pháp lý chưa minh bạch, rõ ràng

☐ Đội ngũ lãnh đạo cấp cao cần nâng cao kiến thức và năng lực thực thi ESG

☐ Khác (Vui lòng ghi rõ)……

**26. Đâu là yếu tố thúc đẩy Quý Doanh nghiệp triển khai cam kết thực hành ESG?** ***(Vui lòng chọn tối đa 3 yếu tố)***

☐ Cải thiện hình ảnh thương hiệu và uy tín

☐ Thu hút dòng vốn xanh

☐ Duy trì cạnh tranh trên thị trường

☐ Thu hút và giữ chân nhân tài

☐ Áp lực từ nhà đầu tư và cổ đông

☐ Sức ép từ các quy định về phát triển bền vững (trong nước/ quốc tế)

☐ Khác (Vui lòng ghi rõ) ……

**27. Quý Doanh nghiệp đang ở giai đoạn nào trong quá trình chuyển đổi số?**

☐ Chưa bắt đầu

☐ Đang nghiên cứu và lập kế hoạch

☐ Bắt đầu triển khai thử nghiệm

☐ Đang triển khai rộng rãi trong các hoạt động chính

☐ Hoàn thành chuyển đổi số và đang tối ưu hóa, tích hợp công nghệ một cách toàn diện, đồng bộ

**28. So với năm 2025, mức độ đầu tư công nghệ dự kiến của Quý Doanh nghiệp trong năm 2026 như thế nào?**

☐ Cao hơn đáng kể

☐ Cao hơn một chút

☐ Tương đương

☐ Thấp hơn một chút

☐ Thấp hơn đáng kể

**29. Mức độ ứng dụng công nghệ của Quý Doanh nghiệp hiện như thế nào?**

| | **Rất thấp** | **Thấp** | **Trung bình** | **Cao** | **Rất Cao** |
|---|---|---|---|---|---|

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Ứng dụng công nghệ nói chung | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| In 3D | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 3D scanning | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Thực tế ảo (VR)/ thực tế tăng cường (AR) | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Dữ liệu lớn (Big Data) | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Chatbots, voice | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Công cụ Trí tuệ nhân tạo (AI) | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Tự động hóa quy trình bằng robot (RPA) | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Điện toán đám mây (Cloud Computing) | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| IoT (Internet vạn vật) | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Khối chuỗi (Blockchain) | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Máy học (Machine Learning) | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Khác (Vui lòng ghi rõ)…… | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |

## D – ĐÁNH GIÁ DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU

1. Quý Doanh nghiệp vui lòng kể tên **5 Công ty sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng - nhóm sản phẩm: Gạch, đá ốp lát** mà Quý Doanh nghiệp đánh giá tiêu biểu nhất

| Thứ tự | Tên Công ty sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng - nhóm sản phẩm: Gạch, đá ốp lát | Tên sản phẩm tiêu biểu |
|---|---|---|
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |
| 4 | | |
| 5 | | |

2. Quý Doanh nghiệp vui lòng kể tên **5 Công ty sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng - nhóm sản phẩm: Sắt, thép, tôn** mà Quý Doanh nghiệp đánh giá tiêu biểu nhất

| Thứ tự | Công ty sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng - nhóm sản phẩm: Sắt, thép, tôn | Tên sản phẩm tiêu biểu |
|---|---|---|
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |
| 4 | | |
| 5 | | |

3. Quý Doanh nghiệp vui lòng kể tên **5 Công ty sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng - nhóm sản phẩm Kính xây dựng** mà Quý Doanh nghiệp đánh giá tiêu biểu nhất

| Thứ tự | Tên Công ty sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng - nhóm sản phẩm Kính xây dựng | Tên sản phẩm tiêu biểu |
|---|---|---|
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |
| 4 | | |
| 5 | | |

4. Quý Doanh nghiệp vui lòng kể tên **5 Công ty sản xuất, kinh doanh nội thất** mà Quý Doanh nghiệp đánh giá tiêu biểu nhất

| Thứ tự | Tên Công ty sản xuất, kinh doanh nội thất | Tên sản phẩm tiêu biểu |
|---|---|---|
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |
| 4 | | |
| 5 | | |

*5.* Quý Doanh nghiệp vui lòng kể tên **5 Công ty sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng - nhóm sản phẩm Cửa-tấm profile-vách ngăn, nhựa, nhôm, thạch cao…** mà Quý Doanh nghiệp đánh giá tiêu biểu nhất

| Thứ tự | Tên Công ty sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng - nhóm sản phẩm Cửa-tấm profile-vách ngăn, nhựa, nhôm, thạch cao | Tên sản phẩm tiêu biểu |
|---|---|---|
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |
| 4 | | |
| 5 | | |

**<u>THÔNG TIN NGƯỜI ĐIỀN PHIẾU</u>**

Họ và tên: ……

Bộ phận làm việc: …….

Địa chỉ nhận báo cáo: …….....

Điện thoại: ……Email: …….....

....., ngày….. tháng….. năm 2026

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**

***(Ký tên và đóng dấu)***

*Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Doanh nghiệp!*